TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 550/2022/HS-PT
Ngày: 15/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Huyền Cường;

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Minh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L9, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 147/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Lâm Đình H cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L9.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lâm Đình H, sinh ngày 08-3-1986 tại huyện G, Thành phố H14. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn I, xã N, huyện G, Thành phố H14; nghề nghiệp: Giám đốc công ty TNHH X và Công ty TNHH X1; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Đình H1 và bà Nguyễn Thị H2; có vợ là Nguyễn Thị P và 03 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ ngày 06-12-2019, tạm giam từ ngày 15-12-2019 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thị N, sinh ngày 16-12-1983 tại huyện L, tỉnh V8. Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh V8; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị P; có chồng là Nguyễn Văn H3 và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý

kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 24-12-2019 đến nay; có mặt.

3. Lê Đình V, sinh ngày 28-8-1982 tại huyện T, tỉnh H15. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh H15; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình V1 và bà Trương Thị M; có vợ là Nguyễn Thị M1 và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lâm Đình H:

1. Bà Nguyễn Phương N1; có mặt;

2. Bà Đỗ Thị Thao H4; có mặt;

Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị N: Bà Trần Thị Ngọc H5, Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình V: Bà Chu Thị Nguyễn P1, Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án có 01 bị cáo Nguyễn Văn K có kháng cáo nhưng trước khi xét xử phúc thẩm đã rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn K; 19 bị cáo và 209 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04-12-2019, Trần Văn Q làm thủ tục khai báo hải quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu C3, tỉnh L9 đối với Tờ khai hàng khóa nhập khẩu số 103027431141 ngày 04-12-2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn X2; hàng hóa khai báo là 19.050 kg hoa cúc, hoa nhài, hạt đỗ đen sấy khô được vận chuyển bằng xe ô tô biển kiểm soát 98C-073.58 do Nguyễn Văn K điều khiển và xe ô tô biển kiểm soát 99C-060.56 do Nguyễn Trọng C điều khiển. Sau khi 02 xe vận chuyển hàng hóa ra khỏi cửa khẩu C3, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C4 tiến hành kiểm tra xe ô tô 98C-073.58 (kéo rơ móoc 98R-003.90 chở container APHU 4548977L5G1) và xe 99C-060.56 (kéo rơ móoc 99R-004.27) thì phát hiện 02 xe này vận chuyển 204 bao hoa cúc, hoa nhài, đỗ đen khô, trọng lượng 7.468 kg; số hàng hóa còn lại không khai báo hải quan gồm 545 bao, trọng lượng 32.547 kg dược liệu thuốc bắc (là loại hàng hóa nhập khẩu có điều kiện, không được nhập khẩu tại cửa khẩu C3) và 1.232 bao chứa hoa quả tẩm ướp gia vị, trọng lượng 10.330kg. Trên các bao hàng có ghi các thông tin: Tên hàng, số

lượng hàng hóa, địa chỉ (tỉnh, thành phố), số điện thoại và mã số 273, 01, 12, 14, 75, 88, 025A, 06B...

Cùng ngày 04-12-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp văn phòng làm việc và kho hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn X, tại địa chỉ khu đất mới L, phường Đ, thị xã T (nay là thành phố B), tỉnh B đã phát hiện và thu giữ: Số lượng 3.017 bao chứa thuốc bắc, hoa quả khô tổng trọng lượng 92,995kg (toàn bộ hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và cũng được đóng gói, ghi thông tin tương tự như các bao hàng khi bắt quả tang). Tiền mặt 193.825.000 đồng được kẹp cùng với 5.564 tờ "Phiếu giao hàng" có chữ ký xác nhận của người nhận hàng. Các bảng kê hàng hóa có ghi đầu đề: "Ngày 30/11- Xe TQ1793 - 385 bao - 22.616 kg" kèm theo 154 phiếu giao hàng (là bảng kê hàng hóa của lô hàng bị bắt quả tang ngày 04-12-2019), Bảng kê hàng hóa ghi "Ngày 02/12 - xe 27702" kèm theo 80 Phiếu giao hàng, Bảng kê hàng hóa ghi "Ngày 02/12 - xe 9159" kèm theo 136 Phiếu giao hàng và một số máy tính xách tay, CPU của Lâm Đình H và các đối tượng giúp việc.

Từ ngày 09 đến ngày 11 tháng 12 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, nơi làm việc, kho hàng đối với 11 khách hàng của Lâm Đình H tại H14, B, N9, N10, Thành phố H16 đã phát hiện và thu giữ số lượng lớn thuốc bắc không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và thu giữ các phương tiện vận tải. Quá trình kiểm tra các phương tiện vận tải đã thu giữ tiền ngân hàng N2 và các đồ vật, tài liệu khác.

Tại các Kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự số 2662/KL-HĐĐGTS ngày 12-5-2020, số 592/KL-ĐG ngày 02-6-2020 và số 692/KL-ĐG ngày 20-7-2020 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự Thành phố H16 và tỉnh B xác định tổng số lượng hàng hóa mà Cơ quan điều tra đã thu giữ trong quá trình bắt quả tang, khám xét khẩn cấp trong vụ án là 158.521 kg hàng hóa gồm thuốc bắc, thuốc nam, hoa quả khô, tổng trị giá 15.095.535.000 đồng, tổng giá trị thuế phải nộp cho Nhà nước là 1.023.574.557 đồng (bao gồm Thuế nhập khẩu và Thuế giá trị gia tăng); trong đó, số lượng hàng nhập lậu là vật chứng của vụ án là 144.851 kg, trị giá 12.396.658.000 đồng, giá trị thuế phải nộp là 923.996.159 đồng.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của các bị cáo có kháng cáo như sau:

Hành vi phạm tội của Lâm Đình H, Lâm Đình H6 và Nguyễn Thị N: Lâm Đình H6 và Lâm Đình H là anh em ruột cùng nhau thành lập, điều hành hoạt động nhiều doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội, B, L9 để xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ vận tải. Lâm Đình H6 và Lâm Đình H thuê 2.600m^2 đất tại khu đất mới L, phường Đ, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh B để xây dựng văn phòng công ty và các kho hàng phục vụ cho việc quản lý, tập kết hàng hóa chuyển giao cho khách hàng. Trong số các công ty L4 đứng tên giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn X (viết tắt là Công ty X), được

Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 09-11-2018, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 21-8-2019. Lâm Đình H nhờ Nguyễn Thạc H7 đứng tên Giám đốc, người đại diện theo pháp luật Công ty trách nhiệm hữu hạn X2 (viết tắt là Công ty X2), được Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 17-5-2019, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 22-8-2019.

Nguyễn Thị N từ Việt Nam sang Trung Quốc làm bốc vác thuê cho các chủ hàng buôn bán hoa quả khô và thuốc bắc người Trung Quốc tại chợ Á từ năm 2010. Từ tháng 5-2019 đến tháng 12-2019 (ngày 04-12-2019), Nguyễn Thị N, Lâm Đình H và Lâm Đình H6 thống nhất tổ chức đường dây buôn lậu thuốc bắc và hàng nông sản đã qua chế biến từ Trung Quốc về Việt Nam. Trong đó, Nguyễn Thị N chịu trách nhiệm là đầu mối thu gom, tập hợp hàng hóa tại Á, Trung Quốc (do khách hàng tại Việt Nam trực tiếp đặt mua hàng từ Nguyễn Thị N hoặc từ chủ hàng Trung Quốc); thuê bốc xếp, làm thủ tục xuất khẩu và vận chuyển hàng hóa sang Cửa khẩu C. Lâm Đình H và Lâm Đình H6 chịu trách nhiệm khai báo hải quan gian dối để nhập khẩu toàn bộ số hàng hóa do Nguyễn Thị N chuyển đến, vận chuyển và giao hàng cho khách hàng theo địa chỉ của họ tại Việt Nam. Người mua hàng tại Việt Nam trả tiền hàng trực tiếp cho Nguyễn Thị N hoặc chủ hàng Trung Quốc. Về tiền cước vận chuyển, người mua hàng phải thanh toán từ 05 - 06 triệu đồng/tấn (đối với hoa quả khô); từ 10 - 17 triệu đồng/tấn tùy theo khoảng cách vận chuyển tại Việt Nam (đối với thuốc bắc) nhưng Nguyễn Thị N được hưởng tiền công vận chuyển hàng hóa tính chung là 500.000 đồng/tấn.

Để thực hiện công việc theo thỏa thuận nêu trên, Nguyễn Thị N tuyển chọn, tổ chức, phân công cho các đối tượng giúp việc gồm: Hoàng Thị Mai T, theo dõi số liệu hàng hóa, lập danh sách hàng hóa theo từng chuyến; Lâm Huyền P2 theo dõi số lượng hàng hóa, tiền hàng, thu tiền; Nguyễn Thị H8, Nguyễn Thị H9, Vi Thị M2, Nguyễn Văn H10 làm nhiệm vụ bốc xếp, đóng bao hàng, ghi chép sổ sách... và thuê 02 đối tượng người Trung Quốc, nhóm bốc vác người Việt Nam tại Trung Quốc để thực hiện việc vận chuyển đưa hàng hóa qua cửa khẩu Trung Quốc.

Để thực hiện công việc đã thỏa thuận với Nguyễn Thị N nêu trên, Lâm Đình H, Lâm Đình H6 sử dụng pháp nhân Công ty X2, Công ty X để mở tờ khai hải quan khai báo hàng hóa nhập khẩu là nông sản chưa chế biến (chủ yếu là hoa cúc, hoa nhài, đỗ đen khô... để không bị hệ thống hải quan điện tử phân loại "luồng đỏ" (kiểm tra thực tế hàng hóa) mà được phân loại "luồng vàng" (chỉ kiểm tra hồ sơ, không kiểm tra hàng hóa). Lâm Đình H, Lâm Đình H6 thuê người làm công hoặc thuê làm dịch vụ như sau: Thuê Bùi Minh K1 làm dịch vụ lập Hợp đồng ngoại thương, khai báo hải quan điện tử theo các thông tin hàng hóa do Lâm Đình H cung cấp. Trần Văn Q là người làm công thực hiện công việc làm thủ tục khai báo hải quan; thuê người bốc, xếp hàng hóa; chỉ đạo Nguyễn Văn K điều khiển xe thực hiện việc tráo đổi rơ móoc để đối phó việc kiểm tra của Hải quan trước khi thông quan hàng hóa; quan hệ với công chức

Hải quan và lực lượng chức năng để thuận lợi trong việc làm thủ tục hải quan, vận chuyển hàng hóa lưu thông trên đường. Nguyễn Văn K, Nguyễn Trọng C thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu C3 về kho L. Trần Thị Phương D có nhiệm vụ nhận danh sách hàng hóa theo chuyến xe do Lâm Đình H6 hoặc nhân viên của Nguyễn Thị N chuyển về, sau đó tách Phiếu giao hàng và in ra cùng bảng kê tổng. Nguyễn Văn H11, Nguyễn Văn P3 và Lê Đình V có nhiệm vụ quản lý, bảo vệ kho thuốc bắc, sử dụng bảng kê hàng hóa do Trần Thị Phương D in sẵn để kiểm đếm hàng hóa và đưa Phiếu giao hàng cho các lái xe lam, xe tải vận chuyển cho khách; tập hợp lại tiền cước vận chuyển và các phiếu giao hàng có chữ ký của khách hàng để chuyển lại cho Lâm Đình H, Lâm Đình H6. Nguyễn Văn T1 có nhiệm vụ tập hợp danh sách hàng hóa theo chuyến xe để tổng hợp bảng theo dõi công nợ cước vận chuyển thuốc bắc, số lượng, chủng loại hàng hóa của khách hàng; hướng dẫn, đôn đốc khách hàng thanh toán tiền vào các tài khoản ngân hàng mà Lâm Đình H chỉ định. Nguyễn Thị C1 được Lâm Đình H6 giao thu tiền cước vận chuyển của các khách hàng tại xã N, huyện G, Thành phố H14. Ngoài ra, Lâm Đình H, Lâm Đình H6 còn thuê các nhân viên khác như: Đinh Văn Đ, Lê Văn T2 làm thủ kho hoa quả khô, Phạm Ngọc H12 làm thủ quỹ, Trần Thị S làm kế toán hàng hóa đầu vào, xuất hóa đơn và một số lái xe tải, xe lam đi giao hàng.

Khi hàng thuốc bắc và hoa quả khô được chở về kho L, căn cứ hàng mà Nguyễn Thị N gửi trước đối với từng chuyến hàng, Lâm Đình H, Lâm Đình H6 chỉ đạo nhân viên phân loại, trả hàng cho các khách hàng tại 22 tỉnh thành; tính cước và thu tiền cước vận chuyển thuốc bắc theo mức từ 13.000 đồng đến 17.000 đồng/01 tấn (tùy tuyến đường vận chuyển).

Về thanh toán tiền hàng: Sau khi khách nhận được thuốc bắc, các lái xe được Lâm Đình H giao cho thu hộ rồi chuyển về cho các thủ kho Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn H11, Lê Đình V tập hợp hoặc chỉ đạo Nguyễn Văn T1 hướng dẫn các khách hàng chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng gồm: (01) số 100897998888 tại V3 Chi nhánh Đ2; (02) số 020026197805 tại S3, Phòng G (L là chủ tài khoản); (03) số 105800809999 tại V3 Chi nhánh Đ2; (04) số 02008149999 tại S3, Chi nhánh L5 (Nguyễn Văn T3, cậu ruột Lâm Đình H đứng tên chủ tài khoản nhưng Lâm Đình H là người sử dụng tài khoản); (05) số 100860926666 mở tại V3 Chi nhánh Đ2 (Phạm Ngọc H12 là chủ tài khoản). Một số trường hợp khách hàng nợ tiền sẽ đến văn phòng Công ty X để đưa tiền cho Lâm Đình H hoặc các nhân viên của Lâm Đình H.

Đối với lô hàng bị bắt quả tang ngày 04-12-2019 tại cửa khẩu C3: Ngày 30-11-2019, Nguyễn Thị N báo cho Lâm Đình H biết có xe Trung Quốc FA1793 chở thuốc bắc chuẩn bị xếp hàng để chở về Việt Nam và gửi trước cho Lâm Đình H danh sách hàng hóa. Sáng ngày 03-12-2019, Nguyễn Thị N gọi điện thoại báo cho Lâm Đình H xe sẽ về cửa khẩu vào buổi chiều 03-12-2019 để Lâm Đình H đón hàng và làm thủ tục nhập khẩu. Lâm Đình H chỉ đạo Trần Văn Q làm thủ tục nhận hàng, khai báo hàng hóa nhập khẩu, thuê cửu vạn bốc vác và lái xe chở hàng về kho L. Theo sự chỉ đạo của Lâm Đình H, Trần Văn Q đã gọi

Nguyễn Văn K và Nguyễn Trọng C lái xe tải 98C-073.58, rơ moóc 98R-003.90 chở container APHU4548977L5G1 và xe tải 99C-060.56, rơ moóc 99R-004.27 lên cửa khẩu C3 để sang tải hàng hóa. Ngày 04-12-2019, Trần Văn Q làm thủ tục khai báo hải quan nhập khẩu 19.050 kg hoa cúc, hoa nhài và hạt đỗ đen theo Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 103027431141 của Công ty X2, tổ chức cho công nhân bốc vác toàn bộ thuốc bắc từ xe Trung Quốc FA1793 và hoa quả khô từ xe Trung Quốc KL1038 sang xe tải của Nguyễn Văn K và Nguyễn Trọng C. Sau khi 02 xe ra khỏi cửa khẩu C3 đã bị kiểm tra, thu giữ toàn bộ hàng hóa với số lượng 50.345 kg thuốc bắc, hoa nhài, hoa cúc và hạt đỗ đen khô. Kết quả định giá xác định giá trị: 5.469.132.000 đồng, trong đó xác định 42.877 kg là thuốc bắc và một số hàng hóa khác không khai báo hải quan, không có hóa đơn chứng từ, trị giá 4.220.682.000 đồng (xe đầu kéo 98C-073.58 do Nguyễn Văn K điều khiển có số lượng hàng 22.114 kg, trị giá 2.761.442.000 đồng; xe đầu kéo 99C-060.56 do Nguyễn Trọng C điều khiển có số lượng hàng 20.763 kg, trị giá 1.459.240.000 đồng).

Căn cứ dữ liệu trích xuất từ máy tính của Nguyễn Văn T1, nhân viên Công ty X2 xác định: Trong thời gian từ tháng 5-2019 đến ngày 04-12-2019, Lâm Đình H, Lâm Đình H6 thực hiện hành vi nhập lậu từ Á, Trung Quốc vào Việt Nam qua cửa khẩu C3 145 chuyến hàng, số lượng 4.752.000 kg thuốc bắc, vận chuyển về 22 tỉnh, thành phố tại Việt Nam giao cho 288 khách hàng, thu tiền cước vận chuyển số tiền 59.385.454.000 đồng. Trong số lượng hàng nêu trên, đã bắt quả tang và khám xét khẩn cấp thu giữ được 144.851 kg thuốc bắc, trị giá 12.396.658.000 đồng.

Hành vi phạm tội Buôn lậu của Lê Đình V cùng hai thủ kho là các bị cáo không có kháng cáo Nguyễn Văn H11, Nguyễn Văn P3: Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn H11 là người cùng làng với Nguyễn Thị N, được Nguyễn Thị N giới thiệu với Lâm Đình H6; còn Lê Đình V là nhân viên của Lâm Đình H6 từ năm 2018, được Lâm Đình H6 thuê và chỉ đạo làm thủ kho thuốc bắc L, tiền công 8.000.000 đồng/tháng; trong đó Nguyễn Văn P3 và Nguyễn Văn H11 làm từ tháng 03-2019 đến tháng 12-2019, còn Lê Đình V làm từ ngày 15-8-2019 đến tháng 12-2019 với nhiệm vụ: Bảo vệ, quản lý kho, khi xe chở hàng hóa thuốc bắc về đến kho thì tổ chức bốc dỡ hàng hóa xuống kho, kiểm đếm, sắp xếp theo từng khách hàng, giao cho các lái xe vận chuyển hàng hóa cho các khách hàng, thu tiền cước vận chuyển, nhận phiếu giao hàng của khách hàng. Từ tháng 4-2019 đến tháng 10-2019, Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn H11, Lê Đình V làm việc theo sự chỉ đạo của Lâm Đình H6, còn từ tháng 10-2019 đến tháng 12-2019, làm việc theo chỉ đạo của Lâm Đình H. Theo đó, trên cơ sở danh sách hàng hóa, phiếu giao hàng được Trần Thị Phương D in sẵn, Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn H11, Lê Đình V sẽ kiểm tra, kiểm đếm hàng hóa khi về kho, điều cửu vạn bốc vác, liên hệ với các khách hàng để xác định địa điểm giao hàng và phân phiếu giao hàng cho các lái xe vận chuyển cho khách hàng, tiếp nhận mọi phản hồi của khách hàng về hàng hóa và báo lại cho Trần Thị Phương D, Phạm Ngọc H12 hoặc liên hệ trực tiếp với Lâm Huyền P2, Hoàng Thị Mai T là nhân

viên của Nguyễn Thị N tại Trung Quốc để đối chiếu lại danh sách hàng hóa. Sau khi các lái xe giao hàng, thu hộ tiền cước sẽ chuyển lại Phiếu giao hàng và tiền cước cho Lê Đình V tập hợp để chuyển lại cho Lâm Đình H6, nếu không có Lê Đình V tại kho thì Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn H11 cũng trực tiếp thu tiền của các khách hàng khi Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn H11 đi giao hàng hoặc khách hàng trực tiếp đến kho nhận hàng; Lê Đình V cũng nhận tiền cước vận chuyển của khách hàng sau đó chuyển cho Lâm Đình H6 qua tài khoản số 0341007048484 đứng tên Lê Đình V mở tại V4 Chi nhánh H13.

Để thực hiện nhiệm vụ được Lâm Đình H, Lâm Đình H6 giao, Nguyễn Văn H11 sử dụng số điện thoại 0982.943.129 tạo lập tài khoản Z6 tên "Md", Lê Đình V sử dụng số điện thoại 0369.190.190 tạo lập tài khoản Z6 tên "Ne" liên lạc với các khách hàng mua hàng thuốc bắc, hoa quả khô, liên lạc với Nguyễn Văn T1 qua Z6 tên "L0" để trao đổi về việc trả hàng thuốc bắc cho khách; riêng Nguyễn Văn H11 còn liên lạc với Nguyễn Thị N và Hoàng Thị Mai T, Lâm Huyền P2 trao đổi liên quan đến hàng hóa thuốc bắc. Dữ liệu Z6 tên "L0" của Nguyễn Văn T1 có 66 trang tài liệu liên lạc với "Md" của Nguyễn Văn H11 và 90 trang dữ liệu với "N9" của Lê Đình V, thể hiện Nguyễn Văn H11, Lê Đình V trao đổi với Nguyễn Văn T1 những bảng kê hàng hóa là thuốc bắc và hoa quả khô, những thông tin khác liên quan đến khách hàng mua thuốc bắc, hoa quả khô bị thiếu hàng, nhầm hàng, chưa trả tiền cước vận chuyển.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn H11 và Lê Đình V khai nhận toàn bộ hành vi của mình và thừa nhận biết hàng hóa thuốc bắc được vận chuyển về kho Lv là hàng buôn lậu do Lâm Đình H, Lâm Đình H6 cấu kết với Nguyễn Thị N mua bán, vận chuyển trái pháp luật từ Trung Quốc về Việt Nam không có hóa đơn chứng từ, được xếp lẫn cùng hoa quả khô khi vận chuyển về để tranh sự kiểm tra của các cơ quan chức năng.

Khai thác sổ theo dõi của Nguyễn Văn T1 có căn cứ xác định được các đối tượng Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn H11, Lê Đình V đã thực hiện việc quản lý số lượng hàng hóa cho Lâm Đình H và Lâm Đình H6. Tuy nhiên, do thời gian làm thủ kho của các đối tượng khác nhau và không thể thực hiện việc bóc tách số liệu từ 288 khách hàng để xác định chính xác trị giá hàng hóa mà Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn H11 và Lê Đình V giúp sức cho Lâm Đình H, Lâm Đình H6 thực hiện hành vi buôn lậu. Số lượng hàng hóa thu giữ khi bắt quả tang và khám xét khẩn cấp kho Lv xác định Nguyễn Văn P3, Nguyễn Văn H11 và Lê Đình V thực hiện hành vi giúp sức cho Lâm Đình H, Lâm Đình H6 buôn lậu thuốc bắc với trị giá hàng hóa là 12.396.658.000 đồng.

Tổng khối lượng hàng hóa đã thu giữ là 158.520,5 kg. Căn cứ kết quả điều tra, giám định, định giá và tài liệu xác minh đã thu thập được, phân loại hàng hóa đã thu giữ như sau:

- Vật chứng của vụ án: Tổng khối lượng: 144.851 kg, trị giá 12.396.658.000 đồng.

+ Hàng hóa là thuốc bắc, tổng khối lượng 132.187 kg, trị giá 10.937.592.000 đồng.

+ Hàng hóa khác nhưng không khai báo hải quan, tổng khối lượng 12.664 kg, giá trị: 1.459.066.000 đồng.

- Hàng hóa không phải là vật chứng của vụ án:

+ Hàng hóa đã khai báo hải quan hoặc có nguồn gốc xuất xứ, tổng khối lượng 10.539,5 kg, định giá 2.389.011.667 đồng.

+ Hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ, không có nguồn gốc xuất xứ, tổng khối lượng 3.130 kg, trị giá 308.865.333 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 30-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L9 đã tuyên bố các bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn K, Lê Đình V phạm tội "Buôn lậu".

Căn cứ điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều 188, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lâm Đình H, xử phạt bị cáo Lâm Đình H 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 06/12/2019; phạt bổ sung bị cáo số tiền 80.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước; truy thu của bị cáo Lâm Đình H số tiền 29.525.476.000 đồng (hai mươi chín tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 4 , khoản 5 Điều 188, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị N, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giam là ngày 24/12/2019; phạt bổ sung bị cáo số tiền 60.000.000 đồng.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn K, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 05/12/2019.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Đình V, xử phạt bị cáo Lê Đình V 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hàn hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về hình phạt đối các bị cáo khác, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07/01/2022, bị cáo Lâm Đình H kháng cáo đề nghị không truy thu số tiền 29.525.476.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/01/2022, bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/01/2022, bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10/01/2022, bị cáo Lê Đình V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Trước khi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, ngày 19 tháng 4 năm 2022, bị cáo Nguyễn Văn K có văn bản về việc rút toàn bộ đơn kháng cáo. Tại Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 29/2022/HSPT-QĐ ngày 22/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 147/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "Buôn lậu"; Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 30-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L9 đối với bị cáo Nguyễn Văn K có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Lâm Đình H rút một phần nội dung kháng cáo, bị cáo không kháng cáo về việc truy thu số tiền 29.525.476.000 đồng mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thị N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Đình V giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N và Lê Đình V về tội Buôn lậu và xử phạt Lâm Đình H, Nguyễn Thị N 12 năm tù, Lê Đình V 03 năm tù là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn, đúng trình tự nên đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lâm Đình H rút kháng cáo về biện pháp tư pháp về số tiền truy thu 29.525.476.000 đồng, giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo: Có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vì mục đích ham lời bất chính nên đã tiếp tay cho chủ hàng Trung Quốc kê khai, nhập lậu các hàng hóa là thuốc bắc cùng hoa quả khô. Sau đó chuyển cho người mua hàng tại Việt Nam. Việc thanh toán giữa người mua hàng và người bán thông qua bị cáo Nguyễn Thị N. Bị cáo Lâm Đình H và các đối tượng giúp sức cho H chỉ nhận tiền công vận chuyển.

Giá trị hàng: Lâm Đình H và đồng phạm tham gia vận chuyển 7.752.140kg. Tuy nhiên, đây là số liệu theo truy xét, quá trình điều tra, truy tố, xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng không làm rõ số lượng hàng hợp pháp. Chỉ có căn cứ xác định với số lượng 144.851kg, trong đó có hàng bắt quả tang vào tháng 12 năm 2019 và một số hàng thu giữ tại các cửa hàng thuốc bắc tại Việt Nam. Thực ra

số lượng này cũng là số lượng truy xét, nhưng cũng là số hàng thực tế thu giữ. Bị cáo Lâm Đình H với thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đã rút kháng cáo về phần này.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lâm Đình H thể hiện sự hối lỗi, tác động gia đình nộp số tiền lớn là 7.080.000.000 đồng trong số tiền thu lợi bất chính và tiền phạt bổ sung. Bị cáo đề nghị được tự nguyện nộp số tiền phong tỏa trong tài khoản đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L9. Bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, còn thể hiện sự ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý thức hối cải của bị cáo. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn về hành vi của mình, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo Lâm Đình H tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lâm Đình H.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N: Về cơ bản, vai trò của Nguyễn Thị N ngang bằng Lâm Đình H khi Nguyễn Thị N phụ trách nguồn hàng bên Trung Quốc. Do đó, vai trò của bị cáo và Lâm Đình H bằng nhau. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra giải quyết cơ bản, triệt để vụ án, tác động gia đình nộp số tiền khắc phục hậu quả số tiền 60.000.0000 đồng, thể hiện sự ăn năn hối cải, bố của bị cáo đã mất, đề nghị Hội đồng xét xử mở sự khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị N thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Lê Đình V: Bị cáo với vai trò giúp sức cho H, với số tiền bị cáo giúp sức có giá trị hơn 8 tỷ đồng, quá trình điều tra bị cáo đã hợp tác tốt với cơ quan điều tra và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức hình phạt 3 năm tù. Bị cáo phạm tội trong thời gian dài, trị giá hàng hóa lớn. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc việc chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo Lâm Đình H và Nguyễn Thị N giảm 04 năm 06 tháng tù; đối với bị cáo Lê Đình V, Hội đồng xét xử cân nhắc cho hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Phương N1 trình bày quan điểm bào chữa: Đồng ý với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Lâm Đình H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Trong một số mặt hàng thuốc bắt cũng được xác nhận là nguyên liệu của các người kinh doanh lương thực thực phẩm. Bị cáo chỉ có vai trò vận chuyển hàng hóa thuê, bị cáo chỉ làm trong thời gian ngắn, hàng hóa bắt quả tang là 1 container là hoa quả khô, dược liệu. Số hàng kê khai đối với bị cáo có nhiều mặt hàng được tính truy xét trên máy tính, không phải tất cả những cái đó bị cáo được hưởng lợi. Trong thời gian C2 nên cơ quan điều tra không có cơ hội làm rõ số tiền thực chất bị cáo được hưởng lợi.

Chính sách về dược liệu đã có nhiều thay đổi theo hướng mở rộng theo đó

có Công văn liên ngành hải quan số 54 thể hiện sự chuyển biến của tình hình buôn bán hiện nay đã cho nhập thuốc Bắc tại cửa khẩu C3, L9, nhập khẩu các mặt hàng là lương thực thực phẩm. Bị cáo là người không am hiểu chính sách.... Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá.

Bị cáo đã nộp tiền phạt, một phần khoản tiền truy thu. Gia đình bị cáo là gia đình văn hóa, có trách nhiệm đóng góp vào các quỹ thiện nguyện, bị cáo là con thương binh, bố đẻ bị cáo đang lâm trọng bệnh, bố mẹ đã già, là người con chăm sóc bố mẹ già, là lao động chính trong gia đình có 3 con. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt nhiều hơn nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt cho bị cáo là 5 năm tù.

Luật sư Trần Thị Ngọc H5 trình bày quan điểm bào chữa: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức hình phạt 12 năm tù là quá nặng. Việc đưa vai trò của Nguyễn Thị N và Lâm Đình H ngang nhau là không phù hợp, bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức; Bị cáo Nguyễn Thị N không khai báo hải quan mà Lâm Đình H là người chỉ đạo Bùi Minh K1 là người khai báo hải quan điện tử, Lâm Đình H cũng khai nhận Bùi Minh K1 làm cho Lâm Đình H, Trần Văn Q là người được Lâm Đình H phân công...không phải là Nguyễn Thị N làm. Nguyễn Thị N hoàn toàn không che dấu, không để lẫn hàng hóa là hoa quả được phép nhập khẩu với hàng thuốc bắc bị cấm, không thuê kho để cất giữ hàng hóa. Lâm Đình H là người trả lương và thuê nhân viên kế toán và trả công. Như vậy tất cả các chỉ đạo đều là Lâm Đình H. Vai trò của Nguyễn Thị N không thể bằng Lâm Đình H. Nguyễn Thị N chỉ là người được Lâm Đình H thuê làm nhiệm vụ bốc vác. Đến thời điểm bị bắt, Nguyễn Thị N chưa được Lâm Đình H thanh toán tiền công.

Bị cáo Nguyễn Thị N có nhiều tình tiết giảm nhẹ chưa được cấp sơ thẩm xem xét: Bị cáo đã tác động và nhờ người nhà nộp toàn bộ số tiền phạt theo bản án sơ thẩm; toàn bộ số tiền án phí, gia đình bị cáo là người có công với cách mạng, bố chồng bị cáo là thương binh, thường xuyên ốm đau, chồng bị cáo Nguyễn Thị N là con cả trong gia đình có trách nhiệm chăm sóc bố đẻ đang là thương binh, phải lo toàn bộ tiền thuốc, ông ngoại là Nguyễn Kim D1 là liệt sỹ hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ; bị cáo là bị cáo nữ duy nhất vẫn đang bị tạm giam, chồng bị cáo bị chấn thương sọ não, không còn khả năng lao động từ năm 2010, bị cáo Nguyễn Thị N là trụ cột chính trong gia đình, còn 2 con con nhỏ, mẹ bị cáo tuổi đã cao, thường xuyên ốm đau; bố đẻ bị cáo mất được 50 ngày Bị cáo có nhân thân tốt, luôn chấp hành chủ trương của Nhà nước, ủng hộ tiền trong quỹ phòng chống covid...Nếu không có hành vi khai báo gian dối của Lâm Đình H thì Nguyễn Thị N không bị xét xử trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị N mức án phù hợp.

Luật sư Chu Thị Nguyễn P1 bào chữa cho bị cáo Lê Đình V**:** Bị cáo chỉ là người làm công ăn lương và làm dịch vụ chỉ được hưởng tiền công, không được liên hệ trực tiếp với các chủ hàng, không được hưởng lợi từ việc buôn lậu của các đối tượng. Bị cáo chỉ giữ vai trò đồng phạm thứ yếu; Trong vụ án có nhiều bị cáo có vai trò cao hơn so với bị cáo nhưng được xem xét hưởng án treo. Bố

mẹ bị cáo là gia đình có công với cách mạng, bị cáo đã chủ động nộp tiền án phí, là lao động duy nhất trong gia đình. Bị cáo xin hưởng án treo vì bị cáo có nhân thân tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Các bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư và không có ý kiến tranh luận thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

[1] Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Trên cơ sở lời khai của các bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N, Lê Đình V thừa nhận tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo khác; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để xác định:

Trong thời gian từ tháng 5-2019 đến tháng 12-2019, Lâm Đình H, Lâm Đình H6 đã cùng với Nguyễn Thị N tổ chức nhập lậu số lượng 4.752.140 kg dược liệu thuốc bắc từ Á, Trung Quốc qua cửa khẩu C3, tỉnh L9, vận chuyển về 22 tỉnh, thành phố trong cả nước để giao cho những người đặt mua hàng, mục đích thu cước vận chuyển số tiền 57.565.711.000 đồng. Thực tế, Lâm Đình H, Lâm Đình H6 đã thu lợi bất chính số tiền 29.525.476.000 đồng (người mua hàng chưa thanh toán số tiền 28.040.235.000 đồng). Trong số hàng nhập lậu nêu trên, số hàng hóa bị bắt quả tang và bị thu giữ là 144.851 kg thuốc bắc, trị giá 12.396.658.000 đồng. Bị cáo Lê Đình V thực hiện hành vi quản lý, bảo vệ kho thuốc bắc; sử dụng Bảng kê hàng hóa được in sẵn để kiểm đếm số hàng nhập kho; kiểm đếm, tập hợp hàng hóa của từng khách hàng theo Phiếu giao hàng để cho các lái xe vận chuyển và giao hàng cho khách hàng; tập hợp các Phiếu giao hàng có chữ ký của khách hàng để phục vụ việc đối chiếu số hàng hóa đã được giao cho khách hàng trong việc buôn lậu số hàng thuốc bắc trị giá 8.174.976.000 đồng. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N, Lê Đình V về tội Buôn lậu là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lâm Đình H rút kháng cáo về biện pháp tư pháp truy thu của bị cáo số tiền 29.525.476.000 đồng. Xét thấy, việc bị cáo rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận việc rút kháng cáo,

đình chỉ việc xét xử phúc thẩm; nội dung về biện pháp tư pháp đối với bị cáo Lâm Đình H của Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N và Lê Đình V Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng nhân thân, đã xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Mức hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lâm Đình H cung cấp thêm tài liệu chứng cứ thể hiện:

Thông qua luật sư, bị cáo đã tác động gia đình để nộp các khoản tiền sau: Tiền truy thu 7.000.000.000 đồng; tiền phạt bổ sung 80.000.000 đồng; tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bố bị cáo ông Lâm Đình H1 là bệnh binh, được tặng tám chữ vàng danh dự: Trọn nghĩa nước non, thắm tình đồng đội; gia đình ông Lâm Đình H1 được UBND xã tặng Giấy khen là Gia đình văn hóa tiêu biểu năm 2013, 2018.

Cậu ruột của bị cáo là ông Nguyễn Văn S1 được tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang Hạng ba. Bác ruột của bị cáo là ông Lâm Đình V2 được tặng Huân chương Kháng chiến Hạng ba, được tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam; Ông, bà ngoại của bị cáo là ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị T4 được tặng Bảng vàng danh dự; Bác ruột của bị cáo là ông Lâm Đình T5 được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, được tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam; Chú của bị cáo là ông Lâm Đình Q1 là bệnh binh.

Chính quyền địa phương và Hội L6 - thuốc B Hiệp có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Gia đình bị cáo ủng hộ 5.000.000 đồng Quỹ vì người nghèo; ủng hộ 5.000.000 đồng Quỹ vacxin phòng chống covid 19; ủng hộ 5.000.000 đồng Quỹ xây nhà tình nghĩa; ủng hộ 5.000.000 đồng Quỹ vì biển đảo Việt Nam năm 2022.

Bị cáo Nguyễn Thị N thêm cung cấp thêm tài liệu chứng cứ thể hiện:

Bố chồng bị cáo ông Nguyễn Văn S2 là thương binh hạng 4/4, thường xuyên ốm đau do vết thương tái phát; Ông ngoại của bị cáo là ông Nguyễn Kim D1 là Liệt sỹ.

Thông qua luật sư, bị cáo đã tác động gia đình để nộp các khoản tiền sau: Tiền phạt bổ sung 60.000.000 đồng; tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Gia đình bị cáo ủng hộ 3.000.000 đồng Quỹ phòng chống covid19

Chồng bị cáo bị tai nạn lao động, chấn thương sọ não,

Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, Hội chữ thập đỏ, Hội cựu chiến binh đoàn thanh niên xã nơi bị cáo đăng ký thường trú có đơn đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà các bị cáo Lâm Đình H và Nguyễn Thị N được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, tại Cơ quan điều tra cũng như tại các phiên tòa các bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, các bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan tố tụng trong quá giải quyết vụ án, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy các bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đối với bị cáo Lê Đình V: Trong vụ án, bị cáo chỉ tham gia với vai trò là người làm thuê được Lâm Đình H6 nhận vào làm thuê bốc vác tại địa điểm do chủ hàng chỉ định, thu cước vận chuyển hàng hóa cho Lâm Đình H và Lâm Đình H6 được Lâm Đình H trả tiền công nên giữ vai trò thứ yếu; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo; bị cáo có nhân thân tốt, được chính quyền địa phương xác nhận bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định tại địa phương; trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan tố tụng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già thường xuyên ốm đau; con bị cáo còn nhỏ, vợ bị cáo sức khỏe yếu; bị cáo là lao động chính trong gia đình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại các điểm i, s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ thể hiện bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000416 ngày 12/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L9. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo Lê Đình V được hưởng theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo Lê Đình V có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N, Lê Đình V được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo các biện pháp tư pháp (truy thu số tiền 29.525.476.000 đồng) của bị cáo Lâm Đình H. Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 30-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L9 đối với nội dung có kháng cáo (các biện pháp tư pháp truy thu số tiền 29.525.476.000 đồng) của bị cáo Lâm Đình H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt tù của các bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N, Lê Đình V; sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 30-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L9 về phần hình phạt tù đối với bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N, Lê Đình V cụ thể:

2.1. Căn cứ điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều 188, điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lâm Đình H 08 (tám) năm tù về tội Buôn lậu. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 06-12-2019.

Ghi nhận bị cáo Lâm Đình H đã nộp số tiền truy thu 7.000.000.000 đồng theo Ủy nhiêm chi ngày 19-4-2022 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C5; tiền phạt bổ sung 80.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0000238 ngày 24-01-2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L9; tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0000239 ngày 24-01-2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L9.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188, điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 08 (tám) năm tù về tội Buôn lậu. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giam là ngày 24-12-2019.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị N đã nộp tổng số tiền 60.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0000283 ngày 18/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L9.

2.3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 54, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Đình V; xử phạt bị cáo Lê Đình V 03 (ba) năm tù về tội Buôn lậu nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Đình V cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh H15 để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ghi nhận bị cáo Lê Đình V đã nộp số tiền 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lại thu tiền số AA/2021/0000416 ngày 12/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L9.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Lâm Đình H, Nguyễn Thị N, Lê Đình V không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L9;
- VKSND tỉnh L9;
- Phòng PV06 Công an tỉnh L9;
- Trại tạm giam CA tỉnh L9;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Luật sư;
- Cục THADS tỉnh L9;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Lệ